

Bản án số: 289/2023/DS-PT

Ngày: 27/9/2023

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Trương Công Thi

*Các Thẩm phán:* ông Vũ Thanh Liêm  
bà Võ Thị Ngọc Dung

**- Thư ký phiên tòa:** bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông Quách Hoà Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án dân sự thụ lý số 160/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3215/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Kim A; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Kim E; địa chỉ: thôn P N, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Cao Như Ý - Công ty L3, thuộc Đoàn luật sư tỉnh K. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Kim L; địa chỉ: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L:* Luật sư Lê Văn T – Văn phòng L4, thuộc Đoàn luật sư tỉnh K; địa chỉ: Số E, đường A, phường N, tx N, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Kim T1; địa chỉ: thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Kim T2; địa chỉ: thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

5. Bà Mai Thị Thu B; địa chỉ: số C H, tổ H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Kim N; địa chỉ: số C H, tổ H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

7. Ông Nguyễn Kim P (đang thi hành án tại Trại giam G1 - C - Bộ C1),  
*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Kim P:* Bà Nguyễn Thị Kim N; địa chỉ: số C H, tổ H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

8. Bà Nguyễn Thị Kim D1 và ông Nguyễn Kim V; cùng trú tại: số C H, tổ H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Bà Cao Thị H; địa chỉ: thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Bà Nguyễn Thị Kim M. Có mặt.

11. Ông Nguyễn Kim V1. Có mặt.

12. Bà Nguyễn Thị Kim L1. Có mặt.

13. Bà Nguyễn Thị Kim C. Có mặt.

Cùng địa chỉ: thôn P N, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

14. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ: D H, thị trấn V, huyện V, Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người kháng cáo:* ông Nguyễn Kim A, bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Kim T1, bà Nguyễn Thị Kim T2, bà Nguyễn Thị Kim N, bà Mai Thị Thu B.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ của ông Nguyễn Kim A và ông Nguyễn Kim E là ông Nguyễn Kim H1, bà Phạm Thị Thới. Lúc còn sống cha mẹ của ông có tạo lập được khối tài sản là đất và nhà, nay là thửa đất số 40, tờ bản đồ 64, diện tích 432,9m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Thôn P N, xã V, huyện V, Khánh Hòa. Nguồn gốc thửa đất trên là do ông H1, bà T3 mua của bà Phan Thị Đ và ông Hồ Văn N1, địa chỉ tại Thôn P N, xã V, huyện V, Khánh Hòa vào năm 1978. Năm 1980 bà T3 chết. Đến năm 1991 ông H1 chết. Ông H1, bà T3 đều không để lại di chúc.

Ông H1, bà T3 có 10 người con đẻ gồm: Nguyễn Thị Kim L2, Nguyễn Văn G (chết năm 2011), Nguyễn Kim A, Nguyễn Kim E, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Kim T1, Nguyễn Thị Kim T2, Nguyễn Thị Kim H2 (chết năm 1993, không có chồng, con), Nguyễn Kim X và Nguyễn Thị Kim H3 (02 người này chết lúc còn nhỏ, không có giấy chứng tử). Ông G có vợ là bà Mai Thị Thu B và có 04 người con đẻ gồm Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Thị Kim D1, Nguyễn Kim P và Nguyễn Kim V.

Đến năm 1994, ông E đi làm khai tử cho ông H1 và tự ý khai nhận thừa kế đối với thửa đất nói trên mà không thông báo, hỏi ý kiến của các anh chị em khác trong gia đình. Việc này được ghi nhận trong Biên bản làm việc hòa giải về việc yêu cầu giải quyết tranh chấp đất tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V vào ngày 22/05/2018, kết quả buổi hòa giải là các bên không thống nhất được ý kiến.

Nay ông A yêu cầu Tòa án xác định thửa đất số 40, tờ bản đồ 64; diện tích 432,9m<sup>2</sup>; tại thôn P N, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, đã được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 478231, vào sổ cấp GCN: CH14062 cho ông Nguyễn Kim E là di sản của ông H1, bà T3 chết để lại và yêu cầu Tòa án chia di sản cho những người thừa kế theo quy định của pháp luật, ông A xin nhận bằng hiện vật; đồng thời yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 478231, số vào sổ cấp GCN CH14062 ngày 08/5/2018, do UBND huyện V cấp cho ông Nguyễn Kim E.

*- Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Kim E trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất là do cha mẹ ông E là ông H1, bà T3 mua của vợ chồng ông N1, bà Đ vào năm 1978. Ông E đã sinh sống cùng cha mẹ trên thửa đất này cho đến khi mẹ ông chết vào năm 1979 và cha ông chết vào năm 1991. Ông H1, bà T3 không để lại di chúc nhưng ông và vợ là bà Cao Thị H, sinh năm 1970 (đã ly hôn vào năm 2001) và các con là Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1990, Nguyễn Kim V1, sinh năm 1990, Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1994 đã sinh sống trên đất từ đó đến nay và bỏ nhiều công sức giữ gìn, khai hoang mở rộng đất, cải tạo đất từ năm 1991 thành thửa đất ngày hôm nay. Năm 1996, ông đăng ký kê khai nhưng không có ai tranh chấp và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình. Năm 2018, các thành viên trong gia đình đã lập văn bản thỏa thuận giao toàn bộ thửa đất số 40, tờ bản đồ 64 xã V, huyện V, có diện tích 432,9m<sup>2</sup> cho ông E; văn bản thỏa thuận được UBND xã V, huyện V chứng thực ngày 27/3/2018 và được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 478231, số vào sổ cấp GCN CH 14062 ngày 08/5/2018.

Trên đất hiện nay có các tài sản gồm: 02 ngôi nhà chính, 01 nhà tạm, 04 mái che, 01 móng đá chẻ, 01 hàng rào lưới B40 trụ bê tông móng đá chẻ, 01 cái giếng, sân xi măng và một số cây trồng trên đất. Nay nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu chia di sản thừa kế đối là đất của ông H1, bà T3 để lại và xin nhận hiện vật với diện tích 432,9m<sup>2</sup>, ông E không đồng ý. Ông E chỉ đồng ý chia di sản thừa kế với diện tích 420m<sup>2</sup> và chia bằng

giá trị tài sản, có xem xét đến công sức ông đã cải tạo từ đất gò, cây dại gai góc thành bằng phẳng như ngày nay và không đồng ý với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn.

- Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Kim T1, bà Nguyễn Thị Kim T2, bà Mai Thị Thu B, bà Nguyễn Thị Kim N, chị Nguyễn Thị Kim D1, anh Nguyễn Kim V và anh Nguyễn Kim P trình bày:

Thông nhất theo yêu cầu của nguyên đơn - ông Nguyễn Kim A là yêu cầu Tòa án xác định thửa đất số 40, tờ bản đồ 64, diện tích 432,9m<sup>2</sup>, tại thôn P N, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, là di sản của ông Nguyễn Kim H1 và bà Phạm Thị T4 chết để lại và yêu cầu Tòa án chia di sản này cho những người thừa kế theo quy định của pháp luật; đồng thời yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 478231, số vào sổ cấp GCN CH14062 ngày 08/5/2018, do UBND huyện V cấp cho ông Nguyễn Kim E.

- Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Kim M, Nguyễn Kim V1, Nguyễn Thị Kim L1, Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Bà M, ông V1, bà L1, bà C thống nhất theo ý kiến trình bày của bị đơn - ông Nguyễn Kim E. Bà M, ông V1, bà L1, bà C đều xác định công trình xây dựng, vật kiến trúc, cây trồng trên đất là của ông E; các ông, bà không có đóng góp gì nên không có yêu cầu.

- Theo văn bản gửi Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Thị H trình bày:

Năm 2001, bà H ly hôn với ông E. Sau đó bà và các con có làm văn bản thỏa thuận để ông E toàn quyền sử dụng nhà, đất tại thôn P N, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vì vậy, bà không liên quan đến thửa đất có tranh chấp. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Theo văn bản số 1452/UBND-TNMT ngày 26/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện V trình bày:

Năm 1996, ông Nguyễn Kim E thực hiện thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 317, tờ bản đồ số 17 (Bản đồ địa chính cũ xã V), diện tích 420m<sup>2</sup>. Nguồn gốc là đất khai phá của cha mẹ năm 1960 qua đời để lại cho con năm 1980, không có giấy tờ và đã được UBND xã V xác nhận ngày 09/7/1996. Tại thời điểm kê khai không phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan đến thửa đất nêu trên. Trên cơ sở xác minh nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã V, ngày 19/10/1996 UBND huyện V thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ ông Nguyễn Kim E và bà Cao Thị H, trong đó có thửa đất số 317, tờ bản đồ số 17, diện tích 420m<sup>2</sup> (200m<sup>2</sup> đất ở và 220m<sup>2</sup> đất vườn), số vào sổ cấp GCN 003542 QSDĐ/VP-VN, số phát hành GCN C 095772. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ ông Nguyễn Kim E thực hiện theo Luật Đất đai năm 1993.

Năm 2013, ông Nguyễn Kim E thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 317, tờ bản đồ số 17 (Bản đồ địa chính cũ xã V) thành thửa đất số 40, tờ bản đồ số 64 (Bản đồ địa chính xã V theo dự án V), số phát hành Giấy chứng nhận BP 873527, số vào sổ cấp GCN CH 07015 cấp ngày 03/9/2013. Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Nguyễn Kim E thực hiện theo quy định Điều 144 của Nghị định 181/2004/NĐ - CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Trên cơ sở Văn bản họp gia đình thỏa thuận tài sản chung đã được UBND xã V chứng thực ngày 27/3/2018, số chứng thực 226/2018 - Quyền số 01/2018-SCT/HĐ-GD với nội dung giao cho ông Nguyễn Kim E được toàn quyền thừa hưởng sử dụng đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 64 (Bản đồ địa chính xã V) và đơn đăng ký biến động đất đai của ông Nguyễn Kim E, ngày 08/5/2018 UBND huyện V thực hiện cấp đổi quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Kim E đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 64 (Bản đồ địa chính xã V). Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Nguyễn Kim E thực hiện theo quy định Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ và Khoản 1 Điều 10 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/05/2014 của Bộ T5.

***Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:***

Căn cứ Điều 34, Điều 41, Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ các các Điều 611, 612, 613, 649, 650, 651, 654, 660 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Xác định quyền sử dụng đất là thửa đất số 40, tờ bản đồ 64; diện tích 432,9m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng đất: đất ở tại nông thôn 200m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 232,9m<sup>2</sup>, có 153,1m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông đường sắt; tại thôn P N, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, là di sản thừa kế của ông Nguyễn Kim H1 và bà Phạm Thị T4 chết để lại.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của ông Nguyễn Kim H1 và bà Phạm Thị T4 gồm:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim L2.

2/ Ông Nguyễn Văn G, chết năm 2011 nên vợ và con của ông G được nhận phần di sản của ông G được hưởng gồm: bà Mai Thị Thu B, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Kim P, ông Nguyễn Kim V, bà Nguyễn Thị Kim D1.

3/ Ông Nguyễn Kim A.

4/ Ông Nguyễn Kim E.

- 5/ Bà Nguyễn Thị D
- 6/ Bà Nguyễn Thị Kim T1.
- 7/ Bà Nguyễn Thị Kim T2.

3. Phân chia di sản thừa kế như sau:

3.1/ Ông Nguyễn Kim E được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ 64; diện tích 432,9m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng đất: đất ở tại nông thôn 200m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 232,9m<sup>2</sup>, có 153,1m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông đường sắt; tại thôn P N, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. (Có bản vẽ kèm theo)

3.2/ Ông Nguyễn Kim E có nghĩa vụ thanh toán giá trị các kỷ phần bằng tiền cho những người thừa kế khác. Cụ thể:

3.2.1/ Ông Nguyễn Kim E có nghĩa vụ thanh toán 8.276.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Kim L2.

3.2.2/ Ông Nguyễn Kim E có nghĩa vụ thanh toán 8.276.000 đồng cho bà Mai Thị Thu B, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Kim P, ông Nguyễn Kim V, bà Nguyễn Thị Kim D1.

3.2.3/ Ông Nguyễn Kim E có nghĩa vụ thanh toán 8.276.000 đồng cho ông Nguyễn Kim A.

3.2.4/ Ông Nguyễn Kim E có nghĩa vụ thanh toán 8.276.000 đồng cho bà Nguyễn Thị D.

3.2.5/ Ông Nguyễn Kim E có nghĩa vụ thanh toán 8.276.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Kim T1.

3.2.6/ Ông Nguyễn Kim E có nghĩa vụ thanh toán 8.276.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Kim T2.

4. Bác yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Kim A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Kim T1, bà Nguyễn Thị Kim T2, bà Mai Thị Thu B, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Kim V, ông Nguyễn Kim P, bà Nguyễn Thị Kim D1 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 478231, số vào sổ cấp GCN CH14062 ngày 08/5/2018, do UBND huyện V cấp cho ông Nguyễn Kim E.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/4/2023 ông Nguyễn Kim A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Kim T1, bà Nguyễn Thị Kim T2, bà Mai Thị Thu B, bà Nguyễn Thị Kim N (*bà N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Kim P*), có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo các ông bà nêu trên không chấp nhận nội dung của Bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, những người kháng cáo nêu trên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L2 trình bày yêu cầu chia di sản bằng hiện vật và đều giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Kim A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Kim T1, bà Nguyễn Thị Kim T2, bà Mai Thị Thu B, bà Nguyễn Thị Kim N (*bà N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Kim P*), giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên toà phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật, đối tượng, thẩm quyền và thời hiệu theo quy định tại các Điều 26; Điều 34; Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về di sản thừa kế của ông Nguyễn Kim H1, bà Phạm Thị T4:

- Thừa đất số 40, tờ bản đồ 64, diện tích 432,9m<sup>2</sup> tại thôn P N, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa có nguồn gốc là của ông Nguyễn Kim H1, bà Phạm Thị T4 mua của vợ chồng ông Hồ Văn N1, bà Phan Thị Đ vào năm 1978, được tất cả các đương sự trong vụ án đều thừa nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định là di sản của ông Nguyễn Kim H1, bà Phạm Thị T4 để lại là có căn cứ.

- Về diện tích, theo ông E trình bày cho rằng di sản thừa kế ông H1, bà T4 để lại là thửa đất có diện tích 420m<sup>2</sup>; ông E có khai phá, mở rộng thêm diện tích 12,9m<sup>2</sup> và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996, có diện tích 432,9m<sup>2</sup>, ông E không đồng ý chia di sản thừa kế đối với diện tích 12,9m<sup>2</sup>, đề nghị chia giá trị đối với diện tích 420m<sup>2</sup> và yêu cầu được nhận hiện vật toàn bộ thửa đất, bồi trả giá trị cho các đồng thừa kế khác và yêu cầu tính công sức bảo quản, tôn tạo thửa đất, xét thấy, di sản của ông H1, bà T4 để lại chỉ có một thửa đất, có ranh giới sử dụng ổn định, UBND xã V xác nhận có nội dung: “*Hộ ông Nguyễn Kim E hiện đang sử dụng thửa đất số 40, tờ bản đồ số 64, ranh giới ổn định, diện tích tăng 12,9m<sup>2</sup> do sai số 2 lần đo đạc*”, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ diện tích 432,9m<sup>2</sup> tại thửa đất số 40, tờ bản đồ 64 là di sản thừa kế của ông Nguyễn Kim H1 và bà Phạm Thị T4 để lại là có cơ sở. Đối với hiện trạng theo kết quả đo vẽ thực tế tại Sơ đồ vị trí thửa đất của Công ty TNHH T6, thì diện tích đất theo hiện trạng thực tế là 468,4m<sup>2</sup>, tăng so với GCNQSDĐ diện tích 35,5m<sup>2</sup>. Diện tích tăng lên 35,5m<sup>2</sup> này, các đương sự không yêu cầu chia nên Tòa án sẽ xem xét tạm giao quyền sử dụng cho ông E.

[2.2]. Về diện và hàng thừa kế, ông Nguyễn Kim H1 và bà Phạm Thị T4 có tổng số 10 người con (trong đó có 9 con ruột và 01 con nuôi, đã được các đương sự trình bày và thống nhất). Cụ thể: 1/ bà Nguyễn Thị Kim L2; 2/ ông Nguyễn Văn G; 3/ ông Nguyễn Kim X (chết) 4/ ông Nguyễn Kim A; 5/ ông Nguyễn Kim E; 6/ bà Nguyễn Thị Kim H3 (chết); 7/ Bà Nguyễn Thị Kim T1; 8/bà Nguyễn Thị Kim T2; 9/ bà Nguyễn Thị D (là con nuôi); 10/bà Nguyễn Thị Kim H2 (chết).

Ông Nguyễn Văn G chết năm 2011 nên vợ và con của ông G được nhận phần di sản của ông G, bao gồm: bà Mai Thị Thu B, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Kim P, ông Nguyễn Kim V, bà Nguyễn Thị Kim D1, còn ông X, bà H3 và bà H2 đã chết không có người thừa kế.

Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất được chia di sản của ông H1 và bà T4 có 07 người gồm: bà L2; những người thừa kế của ông G; ông A; ông E; bà T1; bà D và bà T2.

[2.3]. Về chia di sản thừa kế: Tại Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào Biên bản định giá tài sản ngày 14/6/2022, nhưng tại Biên bản định giá nêu trên, Hội đồng định giá tài sản đã căn cứ vào các Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 và Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của UBND tỉnh K quy định về giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá trị di sản thừa kế có giá trị như sau:

- Giá đất ở nông thôn: 175.760 đồng/m<sup>2</sup>.
  - Giá đất trồng cây lâu năm: 112.630 đồng/m<sup>2</sup>.
  - Đối với phần diện tích thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông đường sắt được xác định bằng 80% giá đất của loại đất bị ảnh hưởng.
- Đã xác định giá trị đất thừa kế có tranh chấp:
- Đất ở nông thôn:  $175.760 \text{ đồng/m}^2 \times 200 \text{ m}^2 = 35.152.000 \text{ đồng}$
  - Đất trồng cây lâu năm:  $112.630 \text{ đồng/m}^2 \times (232,9 \text{ m}^2 - 153,1 \text{ m}^2) = 8.988.000 \text{ đồng}$ .
  - Đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông đường sắt:  $153,1 \text{ m}^2 \times 112.630 \text{ đồng/m}^2 \times 80\% = 13.795.000 \text{ đồng}$ .

Tổng giá trị đất: 35.152.000 đồng + 8.988.000 đồng + 13.795.000 đồng = 57.935.000 đồng, mỗi kỹ phần được hưởng 8.276.000 đồng, về hiện vật Tòa án cấp sơ thẩm đã giao toàn bộ thửa đất cho ông Nguyễn Kim E, bị đơn, buộc ông E thanh toán giá trị trên cho những đồng thừa kế khác.

Xét thấy, việc định giá tài sản đối với di sản là thửa đất nói trên không đúng trình tự, thủ tục và nguyên tắc theo quy định tại Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 112 Luật Đất đai năm 2013; Điều 4 Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày của Chính phủ, đồng thời thực hiện không đúng hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC định việc thẩm định giá tài sản, không phải là giá đất theo thị trường; mặt khác Hội đồng định giá tài sản xác định giá đất nằm trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt thấp hơn 20% là không có căn cứ; lẽ ra phải hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại. Tuy nhiên, xét kháng cáo của của ông Nguyễn Kim A và những



người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Kim T1, bà Nguyễn Thị Kim T2, bà Mai Thị Thu B, bà Nguyễn Thị Kim N (*bà N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Kim P*) yêu cầu được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất; Hội đồng xét xử xét thấy, thửa đất có diện tích tương đối rộng, có 432,9m<sup>2</sup>, hiện trạng trên đất có nhà của gia đình ông E tọa lạc về một phần của thửa đất, phần đất còn lại không có công trình gì lớn, yêu cầu của 06 đồng thừa kế còn lại không yêu cầu tách thửa cho từng người, mà xin nhận hiện vật là quyền sử dụng đất chung trong một thửa để dùng làm nơi thờ cúng. Xét việc yêu cầu được nhận hiện vật của những người kháng cáo là có cơ sở, phù hợp pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho họ, trường hợp chia hiện vật thì vẫn đảm bảo quyền lợi không nhất thiết phải hủy Bản án sơ thẩm; do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Kim A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Kim T1, bà Nguyễn Thị Kim T2, bà Mai Thị Thu B, bà Nguyễn Thị Kim N (*bà N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Kim P*), chia lại di sản thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế.

Đối với ông Nguyễn Kim E là bị đơn, trong quá trình tham gia tố tụng yêu cầu tính công sức bảo quản, tôn tạo thửa đất, tuy nhiên, tại Bản án sơ thẩm đã không xem xét về công sức bảo quản, giữ gìn, tôn tạo di sản của ông E là thiếu sót, để ổn định bản án, Hội đồng xét xử xem xét trích một phần di sản là quyền sử dụng đất, tương ứng với một kỷ phần thừa kế để chia cho ông E là hợp lý, hợp tình.

[3]. Về chia hiện vật quyền sử dụng đất:

Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của ông H1, bà T4 để lại được chia như sau: 432,9m<sup>2</sup> được chia thành 08 kỷ phần, mỗi kỷ phần tương ứng 54,11m<sup>2</sup>.

- Ông Nguyễn Kim A; bà Nguyễn Thị Kim L2; ông Nguyễn Kim E; bà Nguyễn Thị Kim T1; bà Nguyễn Thị Kim T2; bà Nguyễn Thị D và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn G (*gồm: bà Mai Thị Thu B, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Kim P, ông Nguyễn Kim V, bà Nguyễn Thị Kim D1*) được nhận 06 (sáu) kỷ phần, giao chung trong một phần đất, có diện tích 324,67m<sup>2</sup>, trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 234,67m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 40, tờ bản đồ 64, thôn P N, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, việc giao chung thửa đất là phù hợp khoản 2 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 và đảm bảo quy định về tách thửa (*có sơ đồ thửa đất kèm theo Bản án phúc thẩm*).

- Đối với ông Nguyễn Kim E được chia 02 kỷ phần, tương ứng diện tích 108,2m<sup>2</sup> và tạm giao phần đất tăng thêm theo hiện trạng của thửa đất, có diện tích 35,5m<sup>2</sup>, như vậy, phần đất của ông E có diện tích 143,7m<sup>2</sup>, trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 43,7m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 40, tờ bản đồ 64, thôn P N, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa (*có sơ đồ thửa đất kèm theo Bản án phúc thẩm*).

- Đối với tài sản trên đất: Theo Biên bản xem xét thẩm định ngày 12/11/2019 và sơ đồ kèm theo (*tại bút lục số 90 đến 94*) thể hiện trên phần diện

tích đất 324,67m<sup>2</sup> giao cho 06 đồng thừa kế có một cái móng xây bằng đá chẻ, dày 05 lớp diện tích 61,6m<sup>2</sup>, hàng rào trụ bê tông, lưới B40, dài 54,34m (*theo chu vi thửa đất*), theo Biên bản định giá tài sản ngày 14/6/2022, móng đá có giá trị 68.092.917 đồng, hàng rào giá trị còn lại 45%, mỗi mét có giá trị 190.217 đồng, tương ứng số tiền 10.336.000 đồng; xét thấy, móng đá và hàng rào nói trên là do ông E đã xây dựng trước khi xảy ra tranh chấp chia di sản thừa kế nên buộc 06 người được nhận phần đất nói trên, gồm bà L2; những người thừa kế của ông G; ông A; ông E; bà T1; bà D và bà T2 liên đới trả lại giá trị cái móng và hàng rào với số tiền 78.429.308 đồng cho ông Nguyễn Kim E.

- Đối với căn nhà tạm có diện tích 11,3m<sup>2</sup>, mái che 7,9m<sup>2</sup> (*ký hiệu g1 trong sơ đồ*) và một cái chuồng gà, theo Biên bản xem xét thẩm định và Biên bản định giá tài sản ngày 12/11/ 2019 (*bút lục 90 đến 94*) không thể hiện những công trình này, theo Biên bản xem xét, xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/6/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã xác định những công trình nêu trên do ông Nguyễn Kim E xây dựng sau khi đã phát sinh tranh chấp và Tòa án đã xem xét, thẩm định tại chỗ nên buộc ông E phải tự tháo dỡ để giao thửa đất cho bà L2; những người thừa kế của ông G; ông A; ông E; bà T1; bà D và bà T2.

[4] Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 478231, số vào sổ cấp GCN CH14062 ngày 08/5/2018 do UBND huyện V cấp cho ông Nguyễn Kim E, xét thấy, quyền sử dụng thửa đất số 40, tờ bản đồ 64, diện tích 432,9m<sup>2</sup> (*đất ở tại nông thôn 200m<sup>2</sup>; đất trồng cây lâu năm 232,9m<sup>2</sup>*), tại thôn P N, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa là di sản thừa kế của ông H1, bà T4, UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Kim E là không đúng về nguồn gốc đất, theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 thì cần phải thu hồi, hơn nữa, do chấp nhận kháng cáo chia hiện vật là quyền sử dụng đất, nên cần thiết phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 478231, số vào sổ cấp GCN CH14062 ngày 08/5/2018, do UBND huyện V cấp cho ông Nguyễn Kim E.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy tại Bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên xử giao hết hiện vật quyền sử dụng thửa đất cho ông Nguyễn Kim E là không đúng pháp luật, do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Kim A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Kim T1, bà Nguyễn Thị Kim T2, bà Mai Thị Thu B, bà Nguyễn Thị Kim N, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chia di sản thừa kế bằng hiện vật cho các đương sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Các đương sự ông Nguyễn Kim A; bà Nguyễn Thị Kim L2; ông Nguyễn Kim E; bà Nguyễn Thị Kim T1; bà Nguyễn Thị Kim T2; bà Nguyễn Thị D và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn G đều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia di sản thừa kế theo giá trị kỷ phần tài sản mà họ được nhận, trong

đó ông A, bà T1, bà L2, bà D, bà T2, mỗi người phải chịu 414.000 đồng, những người thừa kế của ông Nguyễn Văn G Bà B, bà N, ông P, ông V, bà D1 phải cùng chịu 414.000.000 đồng, ông E phải chịu 828.000 đồng (02 kỳ phần).

[5]. Về chi phí tố tụng:

- Về chi phí tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm: Ông Nguyễn Kim A đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 12.345.000 đồng, ông A phải chịu 1.764.000 đồng, bà L2, ông E, bà D, bà T1, bà T2 và những người thừa kế của ông G (gồm bà B, bà N, ông P, ông V, bà D1), mỗi người phải hoàn trả cho ông A 1.764.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm: Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Văn bản số 16/CV-TA ngày 18/9/2023, yêu cầu Công ty TNHH T6 tiến hành đo vẽ lại sơ đồ chi tiết thành 02 thửa đất, chi phí tổng cộng số tiền 1.847.000 đồng. Ông Nguyễn Kim A; bà Nguyễn Thị Kim L2; bà Nguyễn Thị Kim T1; bà Nguyễn Thị Kim T2; bà Nguyễn Thị D và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn G (6 người) phải chịu 950.000 đồng, mỗi người phải chịu 158.000 đồng; ông Nguyễn Kim E phải chịu 897.000 đồng, các đương sự nêu trên phải nộp các khoản tiền chi phí tố tụng trên, cho Công ty TNHH T6.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên ông A, ông E, bà T1, bà L2, bà D, bà T2 cũng như bà B, bà N, ông V không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2, Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo ông Nguyễn Kim A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Kim T1, bà Nguyễn Thị Kim T2, bà Mai Thị Thu B, bà Nguyễn Thị Kim N; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ các Điều 26; Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 611, 612, 613, 649, 650, 651, 654, 660 Bộ luật Dân sự; điểm d, khoản 1 Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim A về chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ 64, tại thôn P N, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

1. Xác định quyền sử dụng đất là thửa đất số 40, tờ bản đồ 64; diện tích 432,9m<sup>2</sup>; trong đó có 200m<sup>2</sup> là đất ở tại nông thôn và 232,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, có 153,1m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông đường sắt; địa chỉ tại thôn P N, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, là di sản thừa kế của ông Nguyễn Kim H1 và bà Phạm Thị T4 chết để lại.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của ông Nguyễn Kim H1 và bà Phạm Thị T4 gồm: bà Nguyễn Thị Kim L2; ông Nguyễn Văn G

(chết, có những người thừa kế của ông G gồm: bà Mai Thị Thu B, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Kim P, ông Nguyễn Kim V, bà Nguyễn Thị Kim D1); ông Nguyễn Kim A; ông Nguyễn Kim E, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Kim T1 và bà Nguyễn Thị Kim T2 (07 kỷ phần).

3. Phân chia di sản thừa kế như sau:

- Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của ông H1, bà T4 để lại được chia như sau: 432,9m<sup>2</sup> được chia thành 08 kỷ phần, mỗi kỷ phần tương ứng 54,11m<sup>2</sup>.

- Ông Nguyễn Kim A; bà Nguyễn Thị Kim L2; ông Nguyễn Kim E; bà Nguyễn Thị Kim T1; bà Nguyễn Thị Kim T2; bà Nguyễn Thị D và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn G (gồm: bà Mai Thị Thu B, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Kim P, ông Nguyễn Kim V, bà Nguyễn Thị Kim D1) được nhận 06 (sáu) kỷ phần di sản bằng hiện vật quyền sử dụng đất, giao chung trong một phần đất có diện tích 324,67m<sup>2</sup>, trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 234,67m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 40, tờ bản đồ 64, tại thôn P N, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa (có sơ đồ thửa đất kèm theo Bản án phúc thẩm).

- Đối với ông Nguyễn Kim E được chia 02 kỷ phần, tương ứng diện tích 108,2m<sup>2</sup> (54,11m<sup>2</sup> x 2) và tạm giao phần đất tăng thêm theo hiện trạng của thửa đất, có diện tích 35,5m<sup>2</sup>, như vậy, phần đất của ông E có diện tích 143,7 m<sup>2</sup>, trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 43,7m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 40, tờ bản đồ 64, thôn P N, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa (có sơ đồ thửa đất kèm theo Bản án phúc thẩm).

4. Về hoàn trả giá trị tài sản:

- Ông Nguyễn Kim A; bà Nguyễn Thị Kim L2; ông Nguyễn Kim E; bà Nguyễn Thị Kim T1; bà Nguyễn Thị Kim T2; bà Nguyễn Thị D và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn G (gồm: bà Mai Thị Thu B, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Kim P, ông Nguyễn Kim V, bà Nguyễn Thị Kim D1) có nghĩa vụ liên đới trả lại giá trị cái móng đá và hàng rào với số tiền 78.429.308 đồng cho ông Nguyễn Kim E.

- Buộc ông Nguyễn Kim E phải tự tháo dỡ căn nhà tạm có diện tích 11,3m<sup>2</sup>, mái che 7,9m<sup>2</sup> (ký hiệu g1 trong sơ đồ) và một cái chuồng gà để giao thửa đất cho ông Nguyễn Kim A; bà Nguyễn Thị Kim L2; ông Nguyễn Kim E; bà Nguyễn Thị Kim T1; bà Nguyễn Thị Kim T2; bà Nguyễn Thị D và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn G (gồm: bà Mai Thị Thu B, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Kim P, ông Nguyễn Kim V, bà Nguyễn Thị Kim D1).

5. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 478231, sổ vào sổ cấp GCN CH14062 ngày 08/5/2018, do UBND huyện V cấp cho ông Nguyễn Kim E tại thửa đất số 40, tờ bản đồ 64, diện tích 432,9m<sup>2</sup>, tại thôn P N, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Ông A, ông E, bà T1, bà L2, bà D, bà T2 mỗi người phải chịu 414.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; những người thừa kế của ông G gồm bà B, bà N, ông P, ông V, bà D1 phải cùng chịu 414.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

7. Về chi phí tố tụng: Áp dụng Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chi phí tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm: bà L2, những người thừa kế của ông G (gồm bà B, bà N, ông P, ông V, bà D1, ông E, bà D, bà T1, bà T2 và, mỗi người phải hoàn trả cho ông A 1.764.000 đồng.

- Chi phí tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm: Ông Nguyễn Kim A; bà Nguyễn Thị Kim L2; bà Nguyễn Thị Kim T1; bà Nguyễn Thị Kim T2; bà Nguyễn Thị D và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn G (6 người) phải chịu 950.000 đồng, mỗi người phải chịu 158.000 đồng; ông Nguyễn Kim E phải chịu 897.000 đồng, các đương sự nêu trên phải nộp các khoản tiền chi phí tố tụng (đo vẽ sơ đồ) cho Công ty TNHH T6, địa chỉ số G, Ngõ Đức K, phường T, thành phố N.

8. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên ông A, ông E, bà T1, bà L2, bà D, bà T2 cũng như bà B, bà N, ông V không phải chịu án phí phúc thẩm.

9. Quy định chung:

- Kể từ ngày những người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người có nghĩa vụ không thanh toán đầy đủ các khoản tiền phải trả theo Quyết định của Bản án thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

- Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trương Công Thi**